

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2024/DS-ST**

Ngày 17 - 9 - 2024

*“Kiện tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST-DS, ngày 29/7/2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Trụ sở: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện TĐ. (văn bản uỷ quyền số: 168/QĐ-NHCS, ngày 16/9/2024).
có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thuỳ T; sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Bon M, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Đức T1; sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bon M, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/02/2022 Ngân hàng C (viết tắt là Ngân hàng chính sách) có cho bà Nguyễn Thị Thuỳ T (viết tắt là bà T) và ông

Bùi Đức T1 (*viết tắt là ông T1*) vay số tiền 90.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận 8,25 %/ năm; lãi suất nợ quá hạn là 10,725 %/năm; mỗi năm trả 30.000.000 đồng tiền gốc; tại khế ước số 6600000722227479 khoản vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, vay không có thế chấp. Trong quá trình sử dụng tiền vay bà T sử dụng không đúng mục đích số tiền vay vì đã đầu tư vào tài sản đã thế chấp cho ngân hàng khác và đã không trả nợ lãi đúng hạn theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông T1 chỉ trả cho Ngân hàng C được 16.477.000 đồng tiền lãi. Hiện tại bà T và ông T1 còn nợ tiền lãi của Ngân hàng C là 2.522.000 đồng. Vì vậy Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà T và ông T1 phải trả cho Ngân hàng C số tiền 92.522.000 đồng, gồm tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi là 2.522.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 17/9/2024 và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận vay vốn tại khế ước số 6600000722227479 kể từ ngày 18/9/2024 đến khi trả xong hết các khoản nợ.

Bị đơn bà T trình bày: Bà T thừa nhận vay của Ngân hàng C số tiền 90.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận 8,25 %/ năm; tại khế ước số 6600000722227479 khoản vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, vay không có thế chấp. Thừa nhận tiền lãi và tiền gốc chưa trả cho Ngân hàng C như đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng C trình bày. Tôi đồng ý việc Ngân hàng C khởi kiện chúng tôi ra Toà án vì hiện nay tài sản gia đình tôi đã bị kê biên bán đấu giá để thi hành án cho khoản nợ vay khác; vì vậy tôi đề nghị sau khi bán đấu giá tài sản của chúng tôi được thì sẽ ưu tiên trả tiền cho Ngân hàng C trước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 trình bày: Số tiền mà vợ tôi là bà T vay của Ngân hàng C về sử dụng chung của gia đình; tôi đồng ý cùng trả nợ và đồng ý với quan điểm của vợ tôi và không có ý kiến gì thêm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 (Một) sổ vay vốn; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ mã số 6600000722227479; về nội dung cho vay số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) bản sao y.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX; Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 299; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C; Buộc bà Nguyễn Thị Thuỳ T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ còn phát sinh từ hợp đồng tín dụng gốc là 90.000.000 đồng, lãi suất là 2.522.000 đồng. Tổng số tiền là 92.522.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thuỳ T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:* Ngân hàng C khởi kiện bà T; ông T1 do phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng đề ngày 26/02/2022; vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có địa chỉ tại bon M, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày lợi ích bị xâm phạm. Tuy thời hạn hợp đồng vay của các bên vẫn còn do khoản tiền gốc được sự đồng ý điều chỉnh của Ngân hàng chính sách, nhưng khoản lãi vay theo thoả thuận vi phạm; hơn nữa bị đơn cũng yêu cầu Ngân hàng C khởi kiện để thu hồi khoản nợ gốc và lãi sau khi bán đấu giá tài sản. Do đó thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Việc chấp hành pháp luật của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng lập ngày 26/02/2022 giữa Ngân hàng C và bà T và ông T1 phát sinh hiệu lực.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách; Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 26/02/2022 Ngân hàng C có cho bà T vay số tiền 90.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận 8,250 %/ năm; lãi suất nợ quá hạn là 10,725 %/năm; mỗi năm trả 30.000.000 đồng tiền gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T chưa trả cho Ngân hàng C tiền gốc và còn nợ lại tiền lãi đến hạn chưa thanh toán là 2.522.000 đồng. Do bà T và ông T1 bị kê biên tài sản ở một vụ kiện

khác; bà T và ông T1 yêu cầu Ngân hàng C khởi kiện để được ưu tiên thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng C khi bị phát mại tài sản. Vì vậy, Ngân hàng C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông T1 phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C là có căn cứ.

Về yêu cầu trả số tiền gốc: Hai bên đương sự thừa nhận số tiền vay là 90.000.000 đồng; ông T1 thừa nhận bà T vay tiền về sử dụng mục đích chung trong gia đình và đồng ý trả nợ cùng với bà T. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông T1 chưa trả cho Ngân hàng C được khoản tiền gốc nào. Như vậy, bà T và ông T1 còn nợ Ngân hàng C số tiền gốc là 90.000.000 đồng nên Ngân hàng C yêu cầu bà T, ông T1 trả số tiền gốc là 90.000.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền lãi suất: Ngày 26/02/2022 hai bên đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất trong hạn của khế ước vay nợ là 8,25%/năm là phù hợp với quy định của Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Lãi suất trong hạn tính từ ngày vay 26/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2024 là: $[(8,25\%/năm \times 90.000.000 \text{ đồng}) \times 934 \text{ ngày}] = 18.999.000 \text{ đồng}$. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Trang và ông T1 đã trả cho Ngân hàng C số tiền lãi trong hạn là 16.477.000 đồng. Bà T và ông T1 còn phải trả cho Ngân hàng C số tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 là $(18.999.000đ - 16.477.000đ) = 2.522.000 \text{ đồng}$. HĐXX xét thấy chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C buộc bà T và ông T1 trả cho Ngân hàng C số tiền lãi chưa trả trên là phù hợp.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách. Buộc bà T, ông T1 phải trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2024 là 2.522.000 đồng. Tổng hai khoản là 92.522.000 đồng. Sau thời điểm xét xử sơ thẩm, bà T và ông T1 chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C thì bà T và ông T1 tiếp tục phải trả cho Ngân hàng C số tiền lãi phát sinh theo khế ước nhận nợ số 6600000722227479 mà hai bên đã thỏa thuận kể từ ngày 18/9/2024 đến khi trả xong hết các khoản nợ.

[3] Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 4.626.000 đồng (*bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được chấp nhận nên cần buộc bà T, ông T1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 429 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị Thuỳ T và ông Bùi Đức T1 phải trả cho Ngân hàng C số tiền 92.522.000đ (*chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*) trong đó gồm: 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và 2.522.000đ (*hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*) tiền lãi trong hạn tính đến ngày 17/9/2024.

Tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất tại khế ước nhận nợ số 6600000722227479 giữa Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị Thuỳ T đã thoả thuận ngày 26/02/2022, kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi trả xong hết các khoản nợ.

Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 4.626.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Buộc bà Nguyễn Thị Thuỳ T và ông Bùi Đức T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí nêu trên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm

